

QUY TẮC BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ XE Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 969 /QĐ-BHBV ngày 26 tháng 01 năm 2026
của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt)

LỜI GIỚI THIỆU

Quy tắc bảo hiểm này được xây dựng nhằm cung cấp cho Chủ xe một giải pháp bảo vệ tài chính toàn diện trước những rủi ro liên quan đến trách nhiệm dân sự phát sinh từ việc sử dụng xe ô tô. Tài liệu này bao gồm các phần chính:

- **Chương I. Quy định chung:** Các điều khoản nền tảng áp dụng cho toàn bộ Hợp đồng bảo hiểm.
- **Chương II. Bảo hiểm Trách nhiệm Dân sự của Chủ xe ô tô:** Kết hợp sản phẩm bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật và phần trách nhiệm tự nguyện mở rộng, cung cấp một sự bảo vệ liền mạch.
- **Chương III. Bảo hiểm Trách nhiệm đối với Hàng hóa chở trên xe.**
- **Chương IV. Bảo hiểm Trách nhiệm đối với Người trên xe.**

Bảo Việt cam kết giải thích rõ ràng, minh bạch các điều khoản và luôn đồng hành cùng Quý khách hàng trong việc giải quyết bồi thường một cách nhanh chóng, công bằng và thuận tiện.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Giải thích từ ngữ.....	3
Điều 2. Hợp đồng bảo hiểm	4
Điều 3. Thời hạn bảo hiểm và Phí bảo hiểm	4
Điều 4. Chuyển quyền sở hữu và Hiệu lực Hợp đồng	4
Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm	5
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bảo Việt.....	6
Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm	7
Điều 8. Giám định thiệt hại	7
Điều 9. Hồ sơ bồi thường.....	8
Điều 10. Thời hạn yêu cầu bồi thường, Khiếu nại và Giải quyết tranh chấp	10
Điều 11. Luật áp dụng và Hiệu lực của Quy định Pháp luật.....	10
Điều 12. Điều khoản loại trừ chung.....	10
CHƯƠNG II. BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE Ô TÔ	11
Điều 13. Đối tượng và Phạm vi bảo hiểm.....	11
Điều 14. Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm (Mức trách nhiệm)	11
Điều 15. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm	12
Điều 16. Nguyên tắc bồi thường.....	12
CHƯƠNG III. BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI HÀNG HÓA CHỖ TRÊN XE.....	13
Điều 17. Phạm vi bảo hiểm	13
Điều 18. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm	14
Điều 19. Mức giảm bồi thường	14
Điều 20. Giới hạn trách nhiệm (Mức trách nhiệm).....	16
Điều 21. Giá trị hàng hóa	16
Điều 22. Mức khấu trừ.....	16
Điều 23. Nguyên tắc bồi thường.....	16
Điều 24. Nguyên tắc áp dụng giảm trừ và khấu trừ.....	17
CHƯƠNG IV. BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI TRÊN XE	17
Điều 25. Đối tượng bảo hiểm và Người thụ hưởng	17
Điều 26. Phạm vi bảo hiểm	17
Điều 27. Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm (Mức trách nhiệm)	17
Điều 28. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm	17
Điều 29. Giảm trừ bồi thường	18
Điều 30. Nguyên tắc trả tiền bảo hiểm.....	18

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

(Áp dụng cho toàn bộ các chương trong Quy tắc này)

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Quy tắc này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. **Bảo Việt:** Là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật.
- 1.2. **Chủ xe cơ giới (Chủ xe):** Là chủ sở hữu xe cơ giới hoặc được chủ sở hữu xe cơ giới giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp xe cơ giới.
- 1.3. **Bên mua bảo hiểm:** Là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với Bảo Việt và đóng phí bảo hiểm.
- 1.4. **Người được bảo hiểm:** Là Chủ xe, có trách nhiệm dân sự, quyền lợi về tài sản và sức khỏe, tính mạng được bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm này.
- 1.5. **Xe ô tô/Xe:** Là xe cơ giới được quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.
- 1.6. **Hoạt động của xe cơ giới:** Là việc xe cơ giới vận hành, bao gồm di chuyển, dừng xe, đỗ xe có sự điều khiển của Chủ xe hoặc người lái xe.
- 1.7. **Tham gia giao thông:** Là việc xe cơ giới hoạt động trên đường giao thông đường bộ.
- 1.8. **Người thứ ba:** Là người bị thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản do xe cơ giới gây ra, trừ những người sau: Người lái xe, người trên xe, hành khách trên chính chiếc xe đó; chủ sở hữu xe trừ trường hợp chủ sở hữu đã giao cho tổ chức, cá nhân khác chiếm hữu, sử dụng chiếc xe đó.
- 1.9. **Hành khách:** Là cá nhân có giao kết hợp đồng vận chuyển để được chuyên chở trên một phương tiện kinh doanh vận tải, và có nghĩa vụ thanh toán cước phí cho dịch vụ đó (trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định).
- 1.10. **Người trên xe:** Là người lái xe và bất kỳ người nào khác được chở trên xe.
- 1.11. **Sự kiện bảo hiểm:** Là tai nạn xảy ra trong thời hạn bảo hiểm, liên quan đến hoạt động của xe cơ giới được bảo hiểm, gây ra thiệt hại thuộc phạm vi bảo hiểm và làm phát sinh nghĩa vụ bồi thường của Bảo Việt theo quy định tại Quy tắc này.
- 1.12. **Bảng quy định trả tiền:** là Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng theo quy định tại Phụ lục 04 kèm theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp Chính phủ ban hành nghị định mới hoặc sửa đổi, bổ sung cho Nghị định 67 về bảo hiểm Bắt buộc trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới thì quy định mới đó tự động được áp dụng trong Quy tắc này.

Điều 2. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm là sự thoả thuận giữa Bên mua bảo hiểm và Bảo Việt, được lập thành văn bản và được cấu thành bởi các tài liệu sau:

- 2.1. Giấy yêu cầu bảo hiểm (nếu có).
- 2.2. Quy tắc bảo hiểm này.
- 2.3. Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 2.4. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có).
- 2.5. Các văn bản hợp đồng được ký kết giữa Bảo Việt và Bên mua bảo hiểm (nếu có).
- 2.6. Trong trường hợp có sự khác biệt hay mâu thuẫn trong quy định giữa các tài liệu cấu thành Hợp đồng bảo hiểm, thứ tự ưu tiên áp dụng sẽ như sau: (1) Sửa đổi, bổ sung; (2) Văn bản hợp đồng được ký kết; (3) Giấy chứng nhận bảo hiểm; (4) Quy tắc bảo hiểm này; (5) Giấy yêu cầu bảo hiểm.

Điều 3. Thời hạn bảo hiểm và Phí bảo hiểm

- 3.1. Thời hạn bảo hiểm:
 - a) Thời hạn bảo hiểm bắt đầu và kết thúc theo thời gian được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
 - b) Riêng đối với phần Bảo hiểm Bắt buộc Trách nhiệm Dân sự (quy định tại Chương II), thời hạn bảo hiểm tuân thủ theo quy định tại Điều 9, Nghị định 67/2023/NĐ-CP: thời hạn tối thiểu là 1 năm và tối đa là 3 năm, trừ các trường hợp sau đây được tham gia với thời hạn dưới 1 năm:
 - Xe cơ giới nước ngoài tạm nhập, tái xuất có thời hạn tham gia giao thông tại Việt Nam dưới 1 năm.
 - Xe cơ giới có niên hạn sử dụng nhỏ hơn 1 năm theo quy định của pháp luật.
 - Xe cơ giới thuộc đối tượng đăng ký tạm thời theo quy định của pháp luật.
 - Trường hợp Chủ xe có nhiều xe tham gia bảo hiểm vào nhiều thời điểm khác nhau trong năm nhưng đến năm tiếp theo có nhu cầu đưa về cùng một thời điểm bảo hiểm để quản lý, thời hạn bảo hiểm của các xe này có thể nhỏ hơn 1 năm và bằng thời gian hiệu lực còn lại của hợp đồng bảo hiểm giao kết đầu tiên của năm đó.
- 3.2. Phí bảo hiểm: Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo thoả thuận. Hợp đồng bảo hiểm chỉ có hiệu lực với điều kiện Bên mua bảo hiểm đã thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm, trừ khi các bên có thoả thuận khác bằng văn bản.

Điều 4. Chuyển quyền sở hữu và Hiệu lực Hợp đồng

- 4.1. Đối với các loại hình bảo hiểm tự nguyện (Chương II, Chương III, Chương IV): Trong thời hạn bảo hiểm, trường hợp có sự chuyển quyền sở hữu xe, Hợp đồng

bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với Chủ xe mới cho đến hết thời hạn bảo hiểm, trừ trường hợp Chủ xe cũ có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 5.

- 4.2. Đối với Bảo hiểm Bắt buộc Trách nhiệm Dân sự (Chương II): Hiệu lực của hợp đồng khi chuyển quyền sở hữu tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- 5.1. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bảo hiểm:
 - 5.1.1. Chấm dứt theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm: Bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm theo các quy định của pháp luật bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bảo Việt trước ít nhất 15 ngày.
 - 5.1.2. Chấm dứt theo yêu cầu của Bảo Việt: Bảo Việt có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm theo các quy định của pháp luật bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm trước ít nhất 15 ngày.
 - 5.1.3. Hoàn phí khi đơn phương chấm dứt:
 - a) Trường hợp chấm dứt theo Khoản 5.1.1, Bảo Việt sẽ hoàn lại 70% phí bảo hiểm của thời gian còn lại, tuy nhiên sẽ không hoàn phí đối với xe đã xảy ra sự kiện bảo hiểm và được Bảo Việt chấp nhận bồi thường.
 - b) Trường hợp chấm dứt theo Khoản 5.1.2, Bảo Việt sẽ hoàn lại 100% phí bảo hiểm của thời gian còn lại, ngay cả khi đã phát sinh bồi thường trước đó cho xe được bảo hiểm.
 - c) Thời hạn hoàn phí là 15 ngày làm việc kể từ ngày Bảo Việt nhận được thông báo chấm dứt hợp lệ.
- 5.2. Chấm dứt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán phí: Trường hợp Bên mua bảo hiểm không thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm đúng hạn theo thỏa thuận, Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt hiệu lực kể từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn thanh toán.
 - 5.2.1. Bên mua bảo hiểm vẫn phải thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm tương ứng với thời gian Hợp đồng đã có hiệu lực.
 - 5.2.2. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực, Bảo Việt sẽ hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm phần phí bảo hiểm đã đóng thừa (nếu có) sau khi đã trừ đi phần phí bảo hiểm cho thời gian Hợp đồng đã có hiệu lực. Bảo Việt không hoàn phí trong trường hợp đã phát sinh trách nhiệm bồi thường trước khi Hợp đồng chấm dứt.
- 5.3. Chấm dứt đối với Bảo hiểm Trách nhiệm Dân sự (Chương II):
 - 5.3.1. Theo quy định tại Điều 11, Nghị định 67/2023/NĐ-CP, trường hợp xe cơ giới bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định của pháp luật, Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt kể từ thời điểm bị thu hồi.

- 5.3.2. Bảo Việt có trách nhiệm hoàn lại phí bảo hiểm đã đóng cho Bên mua bảo hiểm tương ứng với thời hạn còn lại của Hợp đồng bảo hiểm kể từ thời điểm hợp đồng chấm dứt.
- 5.4. Quy định riêng về hoàn phí cho hợp đồng nhóm xe:
Đối với hợp đồng bảo hiểm cho nhóm xe, việc hoàn phí được xem xét riêng cho từng xe. Nguyên tắc hoàn phí sẽ áp dụng tương ứng với từng trường hợp chấm dứt hợp đồng được quy định tại Điều này.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bảo Việt

- 6.1. Quyền của Bảo Việt:
- 6.1.1. Thu phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn.
- 6.1.2. Yêu cầu Người được bảo hiểm cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ khi giao kết và thực hiện hợp đồng.
- 6.1.3. Từ chối bồi thường đối với các trường hợp không thuộc phạm vi bảo hiểm hoặc thuộc các điểm loại trừ trách nhiệm.
- 6.1.4. Yêu cầu Người được bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất.
- 6.1.5. Đối với bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với hàng hóa (Chương III): Thực hiện quyền truy đòi người thứ ba có lỗi gây ra thiệt hại. Trường hợp Người được bảo hiểm từ chối hoặc không thực hiện việc chuyển quyền đòi người thứ ba cho Bảo Việt, Bảo Việt có quyền khấu trừ số tiền bồi thường tương ứng với mức độ lỗi của người thứ ba đó.
- 6.1.6. Thực hiện giảm trừ số tiền bồi thường theo quy định tại Điều 19 khi Bên mua bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm vi phạm các nghĩa vụ tương ứng.
- 6.1.7. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
- 6.2. Nghĩa vụ của Bảo Việt:
- 6.2.1. Giải thích rõ ràng, đầy đủ các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm.
- 6.2.2. Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm ngay sau khi hợp đồng được giao kết.
- 6.2.3. Đánh giá lại rủi ro và thông báo mức phí bảo hiểm mới (nếu có) trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mua bảo hiểm về những thay đổi làm tăng/giảm rủi ro.
- 6.2.4. Hướng dẫn Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm về thủ tục, hồ sơ yêu cầu bồi thường.
- 6.2.5. Thực hiện giám định tổn thất và giải quyết bồi thường nhanh chóng, chính xác, công bằng trong thời hạn pháp luật quy định và theo các điều khoản của Quy tắc này.
- 6.2.6. Thông báo lý do bằng văn bản trong trường hợp từ chối bồi thường.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm

- 7.1. Quyền của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm:
 - 7.1.1. Lựa chọn tham gia các sản phẩm bảo hiểm tự nguyện phù hợp với nhu cầu.
 - 7.1.2. Yêu cầu Bảo Việt giải thích, cung cấp thông tin về hợp đồng bảo hiểm.
 - 7.1.3. Yêu cầu Bảo Việt trả tiền bồi thường khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
 - 7.1.4. Chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm theo quy định.
 - 7.1.5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
- 7.2. Nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm:
 - 7.2.1. Kê khai đầy đủ, trung thực mọi thông tin liên quan đến đối tượng được bảo hiểm trên Giấy yêu cầu bảo hiểm hoặc cung cấp thông tin theo hướng dẫn của Bảo Việt qua các hình thức điện tử.
 - 7.2.2. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn.
 - 7.2.3. Thông báo ngay cho Bảo Việt khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở tính phí bảo hiểm (ví dụ: thay đổi mục đích sử dụng xe, thay đổi chủ sở hữu xe, v.v.) hoặc làm tăng/giảm rủi ro.
 - 7.2.4. Khi xảy ra tai nạn, phải có trách nhiệm:
 - a) Thông báo ngay cho Bảo Việt qua đường dây nóng và cho cơ quan Công an gần nhất trong vòng 24 giờ.
 - b) Tích cực cứu chữa người, hạn chế thiệt hại tài sản, bảo vệ hiện trường.
 - c) Không tự ý di chuyển, tháo gỡ, sửa chữa tài sản khi chưa có sự đồng ý của Bảo Việt (trừ trường hợp cần thiết để giảm thiểu thiệt hại hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).
 - 7.2.5. Gửi thông báo tai nạn bằng văn bản hoặc các hình thức khác có thể xác định được thời điểm thông báo cho Bảo Việt trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày làm việc kể từ ngày xảy ra tai nạn.
 - 7.2.6. Cung cấp đầy đủ, trung thực các tài liệu trong hồ sơ yêu cầu bồi thường.
 - 7.2.7. Bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho Bảo Việt trong trường hợp thiệt hại hàng hóa trên xe do lỗi của người thứ ba.
 - 7.2.8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Giám định thiệt hại

- 8.1. Khi xảy ra tai nạn, Bảo Việt hoặc người được Bảo Việt ủy quyền thực hiện việc giám định thiệt hại với sự có mặt của Người được bảo hiểm, Người điều khiển xe hoặc Người đại diện hợp pháp của các bên nhằm xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại. Kết quả giám định phải được lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. Bảo Việt chịu trách nhiệm về chi phí giám định.
- 8.2. Trường hợp các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại, các bên có thể thỏa thuận trưng cầu một cơ quan giám định độc lập. Nếu không thỏa

thuận được, một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án nơi xảy ra thiệt hại hoặc nơi cư trú của Người được bảo hiểm chỉ định giám định độc lập. Kết luận của giám định độc lập có giá trị pháp lý bắt buộc đối với các bên.

- 8.3. Chi phí giám định độc lập sẽ do Bảo Việt chi trả nếu kết luận của giám định độc lập khác với kết luận của Bảo Việt. Ngược lại, Người được bảo hiểm sẽ chi trả nếu kết luận của giám định độc lập trùng khớp với kết luận của Bảo Việt.
- 8.4. Trong trường hợp đặc biệt không thể thực hiện giám định tại hiện trường, Bảo Việt có trách nhiệm hướng dẫn Người được bảo hiểm thu thập các bằng chứng, thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại để làm căn cứ giải quyết bồi thường.

Điều 9. Hồ sơ bồi thường

Để giải quyết bồi thường, các bên thu thập và cung cấp các tài liệu sau. Các tài liệu này được cung cấp dưới dạng bản sao được chứng thực hoặc bản sao chụp có bản chính để Bảo Việt đối chiếu, trừ khi có quy định cụ thể khác tại Điều này.

- 9.1. Hồ sơ chung:
 - 9.1.1. Văn bản yêu cầu bồi thường.
 - 9.1.2. Tài liệu liên quan đến xe, người lái xe: Giấy đăng ký xe (hoặc chứng từ chuyển quyền sở hữu hợp lệ), Giấy phép lái xe, Giấy tờ tùy thân của người lái xe (CCCD/CMND/Hộ chiếu), Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (áp dụng đối với khiếu nại bồi thường thuộc Chương III). Riêng đối với Giấy phép lái xe và Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Giấy chứng nhận kiểm định), Bảo Việt chấp nhận bản vật lý còn hiệu lực hoặc thông tin đã được xác thực trên ứng dụng VNeID hoặc tra cứu trên cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền có giá trị tương đương.
 - 9.1.3. Giấy chứng nhận bảo hiểm.
 - 9.1.4. Biên bản giám định nguyên nhân và mức độ tổn thất do Bảo Việt lập (Đối với thiệt hại về người, Bảo Việt chỉ tiến hành xác minh, không thực hiện giám định).
- 9.2. Hồ sơ bổ sung theo từng loại thiệt hại:
 - 9.2.1. Thiệt hại về sức khỏe, tính mạng:
 - a) Các chứng từ y tế hợp lệ từ các Bệnh viện/Cơ sở y tế hợp pháp: Giấy chứng thương, Giấy ra viện, Hồ sơ bệnh án.
 - b) Trích lục khai tử, Giấy báo tử, hoặc xác nhận của cơ quan Công an hoặc kết quả giám định pháp y (trường hợp nạn nhân tử vong).
 - c) Bản án hoặc quyết định của Tòa án (nếu có).
 - d) Các tài liệu chứng minh chi phí cứu chữa (hóa đơn, phiếu thu, bảng kê viện phí), thu nhập bị mất/giảm sút, chi phí mai táng, tiền cấp dưỡng... trong trường hợp mức bồi thường được xác định dựa trên thiệt hại thực tế.

9.2.2. Thiệt hại về tài sản của bên thứ ba:

- a) Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại. Trường hợp Bảo Việt thực hiện sửa chữa, Bảo Việt chịu trách nhiệm thu thập các chứng từ này.
- b) Trường hợp thiệt hại đối với tài sản không thể có chứng từ sửa chữa (ví dụ: gia súc, hoa màu, vật kiến trúc...), việc bồi thường sẽ căn cứ trên thiệt hại thực tế được xác định qua thỏa thuận hoặc thông qua giám định.

9.2.3. Thiệt hại về hàng hóa trên xe:

- a) Chứng từ xác định nguồn gốc, giá trị hàng hóa: Hợp đồng vận chuyển, Hóa đơn, Phiếu xuất kho. Trường hợp hàng hóa không có hóa đơn (ví dụ: nông sản thu mua trực tiếp), có thể cung cấp các chứng từ hợp lệ khác như bảng kê thu mua, hợp đồng mua bán.
- b) Các tài liệu, bằng chứng chứng minh thiệt hại thực tế của hàng hóa như: Biên bản giao nhận hàng hóa tại nơi nhận có xác nhận về tình trạng hư hỏng, tổn thất; các chứng từ xác định số lượng, khối lượng hàng hóa bị tổn thất (phiếu cân, biên bản kiểm đếm...); các hình ảnh chứng minh tổn thất.
- c) Chứng từ, bằng chứng xác nhận Người được bảo hiểm đã thực hiện bồi thường cho chủ hàng (trường hợp hàng hóa không thuộc sở hữu của Chủ xe).
- d) Các biên bản, tài liệu xác định trách nhiệm của người thứ ba (trong trường hợp tổn thất có liên quan đến lỗi của người thứ ba).
- e) Bản án hoặc quyết định của Tòa án (nếu có) liên quan đến trách nhiệm bồi thường của người thứ ba.

9.3. Tài liệu của cơ quan Công an:

Trường hợp vụ tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan Công an, hồ sơ bồi thường cần có các tài liệu liên quan do cơ quan Công an cung cấp. Riêng đối với phần Bảo hiểm Bắt buộc Trách nhiệm Dân sự (Chương II), việc thu thập hồ sơ của cơ quan Công an tuân thủ theo các trường hợp và loại hồ sơ quy định tại Nghị định 67/2023/NĐ-CP.

9.4. Chứng từ về chi phí ngăn ngừa, hạn chế tổn thất:

Các hóa đơn, chứng từ hợp lệ chứng minh chi phí mà Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm đã chi ra để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu tổn thất.

9.5. Lưu ý về trách nhiệm thu thập hồ sơ:

9.5.1. Đối với Bảo hiểm Bắt buộc Trách nhiệm Dân sự (Chương II): Việc thu thập hồ sơ tuân thủ theo quy định tại Điều 13, Nghị định 67/2023/NĐ-CP, cụ thể:

- Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm có trách nhiệm thu thập và gửi cho Bảo Việt các tài liệu quy định tại Khoản 9.1 (Hồ sơ chung, trừ điểm 9.1.4) và Khoản 9.2 (Hồ sơ bổ sung theo từng loại thiệt hại) của Điều này.
- Bảo Việt có trách nhiệm thu thập các tài liệu quy định tại Khoản 9.1.4 (Biên bản

giám định) và Khoản 9.3 (Tài liệu của cơ quan Công an) của Điều này.

- 9.5.2. Đối với các loại hình bảo hiểm tự nguyện (Chương III, Chương IV): Các bên có trách nhiệm phối hợp để thu thập đầy đủ hồ sơ.

Điều 10. Thời hạn yêu cầu bồi thường, Khiếu nại và Giải quyết tranh chấp

- 10.1. Thời hạn yêu cầu bồi thường: Thời hạn yêu cầu bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm là một (01) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm, trừ trường hợp chậm trễ do trở ngại khách quan hoặc bất khả kháng theo quy định của pháp luật.
- 10.2. Thời hạn khiếu nại: Thời hạn khiếu nại về quyết định giải quyết bồi thường của Bảo Việt là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm nhận được thông báo chấp thuận/từ chối bồi thường. Quá thời hạn này (không tính trường hợp chậm trễ do trở ngại khách quan hoặc bất khả kháng theo quy định của pháp luật), Bảo Việt sẽ không giải quyết khiếu nại.
- 10.3. Thời hiệu khởi kiện: Thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng bảo hiểm là ba (03) năm, kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp. Quá thời hạn này, quyền khởi kiện sẽ không còn giá trị.
- 10.4. Giải quyết tranh chấp: Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm, nếu không giải quyết được bằng thương lượng, sẽ được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Luật áp dụng và Hiệu lực của Quy định Pháp luật

- 11.1. Hợp đồng bảo hiểm này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 11.2. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật mới thay thế, sửa đổi, hoặc bổ sung các quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, các quy định trong văn bản pháp luật mới đó sẽ tự động được áp dụng cho Hợp đồng bảo hiểm kể từ ngày văn bản đó có hiệu lực, ngay cả khi Quy tắc này chưa được cập nhật chính thức. Bất kỳ điều khoản nào trong Quy tắc này mâu thuẫn với quy định mới của pháp luật sẽ được coi là vô hiệu và được thay thế bằng quy định tương ứng của pháp luật.

Điều 12. Điều khoản loại trừ chung

Bảo Việt không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh trong các trường hợp sau:

- 12.1. Hành động cố ý gây thiệt hại của Chủ xe, người lái xe hoặc người bị thiệt hại.
- 12.2. Người lái xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không hợp lệ (bao gồm trường hợp bị tủy xóa, hết hạn, bị tước quyền sử dụng) hoặc không phù hợp với loại xe đang điều khiển. Điều khoản loại trừ này không áp dụng đối với:
- a) Người tập lái đang thực hành lái xe trên xe tập lái có sự hướng dẫn của giáo viên dạy lái hợp lệ theo quy định của pháp luật;
 - b) Người đang dự thi sát hạch lái xe theo quy định của pháp luật.

- 12.3. Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: vàng, bạc, đá quý, tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt.
- 12.4. Thiệt hại do các sự kiện có tính chất thảm họa như: Chiến tranh, các hành động tương tự chiến tranh, khủng bố, động đất.
- 12.5. Thiệt hại xảy ra ngoài phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản. Theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm và được Bảo Việt chấp thuận, phạm vi bảo hiểm có thể được mở rộng cho các thiệt hại xảy ra tại các nước: Trung Quốc, Lào, Campuchia và Thái Lan, với điều kiện và phí bảo hiểm bổ sung được quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/sửa đổi, bổ sung.

CHƯƠNG II. BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE Ô TÔ

(Chương này quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự và quyền lợi của khách hàng khi tham gia mức bảo hiểm tự nguyện cao hơn mức trách nhiệm bắt buộc)

Điều 13. Đối tượng và Phạm vi bảo hiểm

- 13.1. Đối tượng bảo hiểm: Trách nhiệm dân sự của Chủ xe đối với Người thứ ba, Hành khách theo quy định của pháp luật.
- 13.2. Phạm vi bồi thường thiệt hại: Bảo Việt có trách nhiệm bồi thường cho những thiệt hại sau:
 - a) Thiệt hại ngoài hợp đồng về sức khỏe, tính mạng và tài sản đối với Người thứ ba do xe ô tô tham gia giao thông, hoạt động gây ra.
 - b) Thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của Hành khách do xe ô tô tham gia giao thông, hoạt động gây ra.

Điều 14. Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm (Mức trách nhiệm)

Mức trách nhiệm bảo hiểm là giới hạn số tiền tối đa Bảo Việt sẽ bồi thường, bao gồm:

- 14.1. Mức trách nhiệm bắt buộc:
 - a) Về sức khỏe, tính mạng: 150 triệu đồng/người/vụ tai nạn.
 - b) Về tài sản: 100 triệu đồng/vụ tai nạn.

Mức này tuân thủ theo Điều 6, Nghị định 67/2023/NĐ-CP và sẽ tự động cập nhật theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

- 14.2. Mức trách nhiệm tự nguyện: Là khoản tiền vượt trên Mức trách nhiệm bắt buộc, do Bên mua bảo hiểm lựa chọn tham gia và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 14.3. Giới hạn trách nhiệm tối đa: Trong mọi trường hợp, tổng mức bồi thường thuộc phần trách nhiệm dân sự tự nguyện (bao gồm cả thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản) cho một sự kiện bảo hiểm sẽ không vượt quá số tiền 10 tỷ đồng.

Điều 15. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Ngoài các trường hợp loại trừ chung quy định tại Điều 12, Bảo Việt không chịu trách nhiệm bồi thường đối với các trường hợp sau:

- 15.1. Người lái xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy không thực hiện trách nhiệm dân sự của chủ xe. Trường hợp người lái xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy nhưng đã thực hiện trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới thì không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.
- 15.2. Thiệt hại gây ra hậu quả gián tiếp như: giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại.
- 15.3. Thiệt hại đối với tài sản do lái xe điều khiển xe cơ giới mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức trị số bình thường theo hướng dẫn của Bộ Y tế; sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.
- 15.4. Thiệt hại đối với tài sản bị mất cắp hoặc bị cướp trong tai nạn.

Điều 16. Nguyên tắc bồi thường

Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Bảo Việt sẽ giải quyết bồi thường theo trình tự và nguyên tắc sau:

- 16.1. Giải quyết theo Mức trách nhiệm bắt buộc trước: Bảo Việt sẽ xem xét, giải quyết bồi thường cho phần thiệt hại của nạn nhân cho đến hết Mức trách nhiệm bắt buộc quy định tại Khoản 14.1. Việc giải quyết tuân thủ đầy đủ các quy định tại Nghị định 67/2023/NĐ-CP (hoặc văn bản pháp luật thay thế), bao gồm:
 - 16.1.1. Tạm ứng bồi thường: Thực hiện theo quy định tại Điều 12, Nghị định 67/2023/NĐ-CP.
 - 16.1.2. Các trường hợp bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng:
 - a) Giải quyết bồi thường theo mức trách nhiệm bắt buộc:
 - Số tiền bồi thường được xác định theo một trong các căn cứ sau: Bảng quy định trả tiền hoặc theo thỏa thuận giữa Chủ xe và người bị thiệt hại; hoặc bản án/quyết định của Tòa án (nếu có). Trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường không được vượt quá mức quy định tại Bảng quy định trả tiền.
 - Trường hợp nhiều xe cơ giới gây tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, mức bồi thường được xác định theo mức độ lỗi của Chủ xe nhưng tổng mức bồi thường không vượt quá giới hạn trách nhiệm bảo hiểm.
 - b) Giải quyết theo Mức trách nhiệm tự nguyện: Sau khi đã bồi thường hết Mức trách nhiệm bắt buộc, nếu trách nhiệm của Chủ xe đối với nạn nhân vẫn còn, Bảo Việt sẽ tiếp tục bồi thường cho phần trách nhiệm còn lại đó trong phạm vi Mức trách nhiệm tự nguyện đã tham gia, cụ thể như sau:
 - Trường hợp tham gia Mức trách nhiệm tự nguyện từ 100 triệu đồng/người/vụ trở xuống: Mức bồi thường được xác định theo tỷ lệ thương tật tại Bảng quy

định trả tiền nhân với Mức trách nhiệm tự nguyện về người mà Bên mua bảo hiểm đã tham gia.

- Trường hợp tham gia Mức trách nhiệm tự nguyện trên 100 triệu đồng/người/vụ, Chủ xe có thể lựa chọn một trong hai cách sau:
 - + Mức bồi thường được xác định dựa trên thiệt hại thực tế, hợp lý (bao gồm chi phí cứu chữa, thu nhập bị mất/giảm sút, chi phí mai táng, tiền cấp dưỡng...) và mức độ lỗi của Chủ xe, hoặc
 - + Mức bồi thường được xác định theo tỷ lệ thương tật tại Bảng quy định trả tiền nhân với Mức trách nhiệm. Trong trường hợp tham gia Mức trách nhiệm lớn hơn 150 triệu đồng, mức nhân tối đa để tính toán bồi thường là 150 triệu đồng.
 - Trường hợp nhiều xe gây tai nạn, mức bồi thường sẽ được phân bổ theo mức độ lỗi của từng Chủ xe.
- 16.1.3. Đối với thiệt hại về tài sản:
- a) Mức bồi thường được xác định theo thiệt hại thực tế và mức độ lỗi của Chủ xe, nhưng không vượt quá Mức trách nhiệm về tài sản đã tham gia.
 - b) Giảm trừ bồi thường tối đa 5%: Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm không thực hiện nghĩa vụ khai báo tai nạn theo quy định tại Điều 7.2.5 Quy tắc này hoặc không thực hiện nghĩa vụ thông báo khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm.
- 16.2. Tổng số tiền bồi thường: Trong mọi trường hợp, tổng số tiền bồi thường của Bảo Việt (bao gồm cả bắt buộc và tự nguyện) không vượt quá mức thiệt hại thực tế và mức trách nhiệm mà Chủ xe phải bồi thường cho nạn nhân theo hòa giải dân sự hoặc theo phán quyết của Tòa án. Đồng thời, tổng số tiền bồi thường cho một sự kiện bảo hiểm thuộc phần trách nhiệm tự nguyện sẽ không vượt quá giới hạn trách nhiệm tối đa quy định tại Khoản 14.3.
- 16.3. Lỗi của người thứ ba: Trường hợp tai nạn được xác định do lỗi hoàn toàn của Người thứ ba, số tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng đối với Người thứ ba sẽ giảm 50% so với số tiền bồi thường được tính toán theo các nguyên tắc tại Hợp đồng này.

CHƯƠNG III. BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI HÀNG HÓA CHỞ TRÊN XE

Điều 17. Phạm vi bảo hiểm

Bảo Việt sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm những tổn thất đối với hàng hoá được

vận chuyển trên xe trong trường hợp xe được bảo hiểm gặp rủi ro bất ngờ, không lường trước được (dẫn đến hư hỏng hàng hóa trên xe) như sau:

- 17.1. Đâm va, lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe; bị các vật thể khác từ bên ngoài rơi, va chạm vào;
 - 17.2. Hỏa hoạn, cháy, nổ;
 - 17.3. Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên gây ra;
 - 17.4. Hành động ác ý, hành vi phá hoại của người khác.
- Bảo Việt mở rộng phạm vi bồi thường trong trường hợp hàng hoá của chính Người được bảo hiểm.

Điều 18. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Ngoài các trường hợp loại trừ chung quy định tại Điều 12, Bảo Việt không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với các trường hợp dưới đây:

- 18.1. Tại thời điểm xe cơ giới xảy ra thiệt hại, xe không có Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực.
- 18.2. Thiệt hại có tính chất hậu quả gián tiếp như: Giảm giá trị thương mại, ngừng sản xuất, sử dụng, khai thác.
- 18.3. Chở hàng hóa nguy hiểm không có Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo quy định của pháp luật.
- 18.4. Điều khiển xe vào đường ngược chiều (đường có biển báo cấm đi ngược chiều); không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông hoặc tín hiệu đèn giao thông; điều khiển xe ban đêm không có hoặc không bật thiết bị chiếu sáng.
- 18.5. Xe chở/kéo theo quá 50% khối lượng hàng được phép chở/khối lượng cho phép kéo theo quy định trên Giấy chứng nhận kiểm định.
- 18.6. Hàng hóa bị thiếu, mất cắp, trộm, cướp, sai thể loại, quy cách, sai mã ký hiệu.
- 18.7. Hàng hóa lưu thông trái phép; hàng hóa bị cơ quan Nhà nước thu giữ, bắt giữ hoặc bị hư hỏng do chậm trễ (trừ trường hợp chậm trễ do hậu quả trực tiếp của tai nạn).
- 18.8. Hàng hóa tự bốc cháy không do lỗi của bên vận tải; súc vật sống bị ốm chết do thời tiết hoặc dịch bệnh.
- 18.9. Tồn thất hàng hóa do bị xô lệch, va đập trong quá trình vận chuyển mà không phải do xe bị đâm va, lật, đổ, rơi.
- 18.10. Người điều khiển xe mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn, hoặc có sử dụng ma túy và các chất kích thích bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Mức giảm bồi thường

Bảo Việt có quyền thực hiện giảm mức bồi thường theo tỷ lệ tùy thuộc vào mức độ vi phạm nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm/lái xe mà gây khó khăn cho Bảo Việt trong việc xác định nguyên nhân, mức độ tổn thất hoặc làm tăng rủi ro. Bao gồm một

số trường hợp sau đây:

- 19.1 Giảm 10% số tiền bồi thường trong các trường hợp:
- a) Không gửi Thông báo thiệt hại bằng văn bản hoặc các hình thức khác có thể xác định được thời điểm gửi cho Bảo Việt trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra thiệt hại (trừ hợp bất khả kháng hoặc thông báo bằng hình thức khác được Bảo Việt chấp nhận).
 - b) Không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại.
 - c) Không giữ nguyên hiện trường, tự ý di chuyển khỏi hiện trường mà chưa có ý kiến của Bảo Việt, trừ trường hợp di chuyển để đảm bảo an toàn hoặc thực hiện theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
 - d) Dừng xe nơi có biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; đỗ xe nơi có biển “Cấm đỗ xe” hoặc biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”.
 - e) Điều khiển xe đi vào đường dành riêng cho xe buýt/xe điện, đi vào đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển (không bao gồm biển báo “Cấm đi ngược chiều”).
- 19.2 Giảm 25% số tiền bồi thường trong các trường hợp:
- a) Tự ý tháo dỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến của Bảo Việt, trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
 - b) Lái xe vượt quá tốc độ cho phép từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên và có kết luận bằng văn bản của cơ quan chức năng hoặc có bằng chứng khác xác định mức vượt quá từ 20% trở lên.
- 19.3 Giảm từ 25% đến 100% số tiền bồi thường tùy theo mức độ lỗi trong các trường hợp:
- a) Không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho Bảo Việt (kèm theo các hồ sơ, tài liệu liên quan), hoặc tự ý thương lượng với người thứ ba gây ảnh hưởng đến quyền đòi bồi thường của Bảo Việt.
 - b) Không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường. Người điều khiển xe không tạo điều kiện cho cơ quan chức năng xác định nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở.
 - c) Không tạo điều kiện thuận lợi, gây khó khăn cho Bảo Việt trong quá trình giám định, xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường.
- 19.4 Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ phần trăm (%) chở quá trọng tải (từ trên hai mươi phần trăm (20%) đến năm mươi phần trăm (50%) theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định).
- 19.5 Trường hợp có nhiều mức giảm bồi thường theo Điều 19 cùng được áp dụng, Bảo Việt chỉ áp dụng một mức giảm nào có tỷ lệ cao nhất.

Điều 20. Giới hạn trách nhiệm (Mức trách nhiệm)

Giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại về hàng hóa chở trên xe được các bên thỏa thuận và được quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm. Trong mọi trường hợp, tổng số tiền bồi thường của Bảo Việt không vượt quá giá trị thiệt hại và Mức trách nhiệm quy định.

Điều 21. Giá trị hàng hóa

Giá trị hàng hóa được tính tại thời điểm, địa điểm trước khi đưa hàng lên xe và không vượt quá giá trị thực tế trên thị trường ở nơi đưa hàng lên xe tại thời điểm đó.

Điều 22. Mức khấu trừ

Khấu trừ 5% số tiền bồi thường và tối thiểu không thấp hơn 2.000.000 đồng/vụ (Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm tự chịu một phần thiệt hại) hoặc theo thỏa thuận khác bằng văn bản.

Điều 23. Nguyên tắc bồi thường

- 23.1. Số tiền bồi thường cho mỗi vụ tổn thất được tính trên cơ sở thiệt hại thực tế của hàng hóa tại thời điểm, địa điểm xảy ra tai nạn.
- 23.2. Thiệt hại thực tế của hàng hóa được xác định như sau:
 - a) Trường hợp hàng hóa bị hư hỏng, có thể sửa chữa, phục hồi: Thiệt hại là chi phí hợp lý để sửa chữa, phục hồi hàng hóa về trạng thái như trước khi xảy ra tai nạn.
 - b) Trường hợp hàng hóa bị hư hỏng nhưng không thể/không cần sửa chữa mà chỉ bị giảm giá trị thương mại (ví dụ: hàng hóa bị phân loại lại từ loại A xuống loại B): Thiệt hại là phần chênh lệch về giá trị của hàng hóa trước và sau khi xảy ra tai nạn.
 - c) Trường hợp hàng hóa bị tổn thất toàn bộ (không thể phục hồi hoặc sửa chữa): Thiệt hại là giá trị thực tế của hàng hóa tại thời điểm, địa điểm xảy ra tổn thất.
- 23.3. Giá trị thu hồi (thanh lý): Nếu hàng hóa bị hư hỏng có thể được bán thanh lý hoặc thu hồi một phần giá trị, số tiền bồi thường của Bảo Việt sẽ được tính bằng thiệt hại thực tế (xác định theo Khoản 23.2) trừ đi giá trị thu hồi.
- 23.4. Các chi phí cần thiết, hợp lý: Ngoài số tiền bồi thường cho thiệt hại hàng hóa, Bảo Việt còn thanh toán các chi phí cần thiết, hợp lý nhằm:
 - a) Ngăn ngừa, giảm nhẹ tổn thất thêm cho hàng hóa;
 - b) Bảo quản, xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi hàng hóa do hậu quả của tai nạn;
 - c) Giám định tổn thất thuộc trách nhiệm của Bảo Việt.
- 23.5. Trong mọi trường hợp, tổng số tiền bồi thường của Bảo Việt (bao gồm cả các chi phí tại Khoản 23.3 và 23.4) không vượt quá giá trị hàng hóa được quy định tại Điều 21 và Mức trách nhiệm bảo hiểm đã tham gia.

Điều 24. Nguyên tắc áp dụng giảm trừ và khấu trừ

Trường hợp vụ thiệt hại bị đồng thời áp dụng mức khấu trừ và giảm trừ thì áp dụng giảm trừ theo Điều 19 trước, sau đó áp dụng khấu trừ theo Điều 22.

CHƯƠNG IV. BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI TRÊN XE

Điều 25. Đối tượng bảo hiểm và Người thụ hưởng

- 25.1. Đối tượng bảo hiểm: Trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại về sức khỏe và tính mạng của Người trên xe.
- 25.2. Người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm: Là Người trên xe bị thiệt hại về sức khỏe, tính mạng do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm. Trường hợp Người trên xe tử vong, người thụ hưởng là người thừa kế hợp pháp của người đó.

Điều 26. Phạm vi bảo hiểm

- 26.1. Bảo Việt sẽ thay mặt Bên mua bảo hiểm bồi thường trực tiếp cho Người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm đối với những thiệt hại về sức khỏe và tính mạng của Người trên xe do tai nạn khi đang ở trên xe, đang lên hoặc đang xuống xe trong quá trình xe tham gia giao thông.
- 26.2. Điểm mở rộng đặc biệt vì quyền lợi khách hàng: Nhằm mang lại sự bảo vệ toàn diện và thuận tiện nhất, theo Hợp đồng bảo hiểm này, Bảo Việt mở rộng phạm vi bảo hiểm cho cả thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của:
 - a) Người lái xe đang điều khiển xe được bảo hiểm.
 - b) Chủ xe khi đang ở trên xe được bảo hiểm (nhưng không trực tiếp điều khiển).
Trong trường hợp này, Người lái xe và Chủ xe cũng được coi là Người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm và được hưởng quyền lợi bồi thường như những Người trên xe khác.

Điều 27. Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm (Mức trách nhiệm)

Giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng đối với Người trên xe được các bên thỏa thuận và được quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 28. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Ngoài các trường hợp loại trừ chung quy định tại Điều 12, Bảo Việt không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau:

- 28.1. Người trên xe cố ý tự gây thiệt hại cho bản thân.
- 28.2. Thiệt hại đối với Người lái xe trong trường hợp Người lái xe cố tình chạy trốn sau khi gây tai nạn hoặc không chấp hành hiệu lệnh của cơ quan chức năng.
- 28.3. Thiệt hại đối với Người lái xe khi Người lái xe điều khiển xe trong tình trạng có

Điều 29. Giảm trừ bồi thường

Điều 30. Nguyên tắc trả tiền bảo hiểm

a) Mức bồi thường được xác định dựa trên thiệt hại thực tế, hợp lý (bao gồm chi phí cứu chữa, thu nhập bị mất/giảm sút, chi phí mai táng, tiền cấp dưỡng...), hoặc

b) Mức bồi thường xác định theo quy định tại điểm 30.1. Số tiền bồi thường bằng tỷ lệ thương tật trong Bảng quy định trả tiền nhân với Mức trách nhiệm. Trong trường hợp tham gia Mức trách nhiệm lớn hơn 300.000.000 đồng, mức nhân tối đa để tính toán bồi thường là 300.000.000 đồng.

